

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tiến Thần

2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hải N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ A, đường N, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số 034189015025 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/3/2022.

Bị đơn: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động ở Đài Loan.

Căn cước công dân số 034086003364 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 08/3/2016.

Số Hộ chiếu C4326867.

(Chị N, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2023 và Bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải N yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Vũ Văn H và trình bày như sau:

Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Cuối năm 2017, anh H làm thủ tục đi xuất khẩu tại Đài Loan. Trong thời gian đầu ở nước ngoài, anh H vẫn thi thoảng gọi điện về cho chị, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể. Đầu năm 2018, chị N phát hiện anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng cắt hoàn toàn liên lạc với nhau. Từ lúc đó đến nay, hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Vũ Kim N1, sinh ngày 08/11/2014 và Vũ Hải H1, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay, cháu N1 đang do bố mẹ đẻ anh H là ông Vũ Thành C, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1965, đều ở địa chỉ thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu H1 hiện nay đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu N1 cho anh H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị N và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

*** Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 16/02/2024 của anh Vũ Văn H gửi về từ Đài Loan, anh H trình bày như sau:**

Anh và chị Nguyễn Thị Hải N tự tìm hiểu, kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình anh tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Năm 2018, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cuối năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, giữa anh và chị N thường xảy ra cãi vã. Anh thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh H và chị N có 02 con chung là Vũ Kim N1, sinh ngày 08/11/2014 và Vũ Hải H1, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay cháu N1 đang ở với bố mẹ đẻ của anh H, cháu H1 đang ở với chị N. Ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao con N1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh ở nước ngoài, anh

ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Vũ Thành C, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1965 đều ở thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình giúp anh H trông nom, chăm sóc cháu N1 cho đến khi anh về nước. Mọi chi phí nuôi cháu N1, anh H sẽ thanh toán với bố mẹ đẻ của anh H, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu toà giải quyết.

Do anh H đang làm việc tại Đài Loan, không thể về Việt Nam tham gia tố tụng giải quyết việc ly hôn với chị N tại Toà án được nên anh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản, giấy tờ cho anh thông qua bố đẻ anh H là ông Vũ Thành C.

*** Ông Vũ Thành C, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (bố đẻ của anh Vũ Văn H) trình bày:**

Chị N, anh H kết hôn tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị N đã chung sống cùng vợ chồng ông C tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình và có 02 con chung. Trong quá trình vợ chồng anh H, chị N chung sống, ông C không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì. Đầu năm 2018, anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Trong thời gian anh H đi nước ngoài, ông C cũng không thấy vợ chồng anh H có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây chị N có nói chuyện với ông là đang làm thủ tục ly hôn anh H tại Toà án, ông C có hỏi lý do vì sao thì chị N trả lời là vợ chồng không hợp. Hai bên gia đình đã động viên, hoà giải nhiều lần nhưng hau vợ chồng không hoà giải được.

Anh H chị N có 02 con chung là cháu Vũ Kim N1, sinh ngày 08/11/2014 và Vũ Hải H1, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị N còn cháu N1 đang ở với vợ chồng ông C. Trong thời gian anh H ở nước ngoài, ông C đồng ý nhận ủy quyền của anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 cho đến khi anh H về nước. Ông C không yêu cầu anh H thanh toán cho ông C khoản chi phí nào.

*** Công văn số 78/PA08 ngày 02/02/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T cung cấp:** Anh Vũ Văn H xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/02/2020, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Hải N ly hôn anh Vũ Văn H. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Vũ Hải H1 sinh ngày 31/10/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Kim N1 sinh ngày 08/11/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chấp nhận việc ông Vũ Thành C thay anh H chăm sóc cháu N1 trong thời gian anh H ở nước ngoài. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị Hải N xin ly hôn anh Vũ Văn H theo thủ tục chung, chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh Vũ Văn H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và văn bản yêu cầu trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, anh đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cho Tòa án. Chị N, anh H đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hải N và anh Vũ Văn H được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/10/2014 là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng đã có thời gian chung sống vui vẻ, hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Mâu thuẫn chỉ phát sinh sau khi anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Nguyên nhân chị N cho rằng khi ở Đài Loan anh H đã có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Anh H cho rằng từ cuối năm 2018, vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Chị N, anh H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, khi chị N có yêu cầu ly hôn anh H không xin đoàn tụ mà đồng ý ly hôn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã đồng thuận ly hôn. Do anh H đang lao động tại Đài Loan không thể đến Tòa án để tham gia hòa giải và thỏa thuận ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N ly hôn anh H là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Vũ Kim N1 sinh ngày 08/11/2014 và Vũ Hải H1 sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay con N1 đang sống cùng bố mẹ đẻ anh H, con H1 đang do chị N nuôi dưỡng. Chị N đề nghị Tòa án giao con N1 cho anh H nuôi dưỡng, giao con H1 cho chị nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh H nhất trí và đề nghị ủy quyền cho bố mẹ đẻ anh thay anh chăm sóc con N1 trong thời gian anh H ở nước ngoài. Xét thực tế con H1 đang ở với chị N, con N1 hiện đang do bố mẹ đẻ anh H chăm sóc, con N1 có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, ông Vũ Thành C (bố đẻ anh H) đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con N1 giúp anh H trong thời gian anh H đi lao động nước ngoài. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con H1 cho chị N nuôi dưỡng, giao con N1 cho anh H nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh H ủy quyền cho bố đẻ anh là ông Vũ Thành C chăm sóc nuôi dưỡng con N1 trong thời gian anh H ở nước ngoài. Chị N đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh H nhất trí nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thay đổi người nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con được giải quyết khi các bên có đơn yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N, anh H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hải N được ly hôn anh Vũ Văn H.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Vũ Kim N1 sinh ngày 08/11/2014 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Vũ Hải H1 sinh ngày 31/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Hải N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh H ủy quyền cho bố đẻ là ông Vũ Thành C, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình chăm sóc, nuôi dưỡng con N1 đến khi anh H về Việt Nam.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị N, anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị N, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000085 ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn